

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK GSDC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61311118/18988933

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] (“Công ty”) được lập ngày 6 tháng 11 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 6 tháng 11 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 2.3, ngày 30 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thay thế cho báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Việc phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Công ty thực hiện để sửa chữa các sai sót còn tồn tại trong báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Theo đó, ngày 6 tháng 11 năm 2017, Công ty cũng đã phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được trình bày kèm theo báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phát hành trước đây vào ngày 22 tháng 3 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1



Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.390.997.252	30.190.170.635
110	I. Tiền	4	18.779.591.837	836.087.367
111	1. Tiền		18.779.591.837	836.087.367
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.149.230.588	22.764.434.145
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.906.904.269	1.122.420.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		69.130.013	453.129.672
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	12.450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.173.196.306	8.738.884.096
140	III. Hàng tồn kho	7	7.521.124.329	4.611.732.241
141	1. Hàng tồn kho		7.521.124.329	4.611.732.241
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		941.050.498	1.977.916.882
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	941.050.498	1.977.916.882
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		266.106.181.836	20.637.402.397
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		75.370.439.740	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	75.370.439.740	-
220	II. Tài sản cố định		17.103.815.429	14.646.998.307
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.014.788.104	14.521.072.974
222	Nguyên giá		21.403.553.178	14.934.683.131
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.388.765.074)	(413.610.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	89.027.325	125.925.333
228	Nguyên giá		127.592.000	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.564.675)	(1.666.667)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	922.329.021
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	922.329.021
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		169.671.289.901	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	169.671.289.901	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.960.636.766	5.068.075.069
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.960.636.766	5.068.075.069
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		301.497.179.088	50.827.573.032

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		126.348.644.065	23.601.351.653
310	I. Nợ ngắn hạn		98.864.444.065	23.601.351.653
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.525.467.097	12.723.403.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.001.025	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.710.059.855	1.509.436.842
314	4. Phải trả người lao động		6.456.677.399	3.263.298.640
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	558.456.341	266.340.007
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	1.176.224.045	791.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	63.544.478.910	624.186.436
320	8. Vay ngắn hạn	19	14.885.079.393	4.423.685.981
330	II. Nợ dài hạn		27.484.200.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	24.000.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	3.484.200.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		175.148.535.023	27.226.221.379
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	175.148.535.023	27.226.221.379
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	20.1, 20.2	160.480.000.000	27.126.277.100
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.480.000.000	27.126.277.100
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.668.535.023	99.944.279
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		98.944.279	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		14.569.590.744	99.944.279
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		301.497.179.088	50.827.573.032


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán




Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	172.942.424.394	38.661.266.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.942.424.394	38.661.266.514
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	22	(80.972.576.664)	(19.783.126.313)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.969.847.730	18.878.140.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.031.162.294	47.654.555
22	7. Chi phí tài chính	23	(964.320.662)	(86.549.926)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(948.803.896)	(13.870.490)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(56.108.461.370)	(13.775.713.129)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(20.744.718.797)	(3.690.441.778)
30	10. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		16.183.509.195	1.373.089.923
31	11. Thu nhập khác	25	2.199.006.713	136.556.216
32	12. Chi phí khác	25	(35.992.171)	(100.368.465)
40	13. Lợi nhuận khác	25	2.163.014.542	36.187.751
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.346.523.737	1.409.277.674
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(3.776.932.993)	(310.333.395)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.569.590.744	1.098.944.279

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		18.346.523.737	1.409.277.674
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	4.276.367.826	418.318.293
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		14.902.754	-
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.217.823.151)	98.404.774
06	Chi phí lãi vay		948.803.896	13.870.490
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.368.775.062	1.939.871.231
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		17.187.364.505	(10.314.434.145)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.909.392.088)	(599.004.778)
11	Tăng các khoản phải trả		830.497.742	18.867.332.277
12	Giảm chi phí trả trước		2.218.198.366	1.202.842.743
14	Tiền lãi vay đã trả		(948.803.896)	(13.870.490)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(1.966.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.780.639.691	11.082.736.838
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(6.842.659.774)	(1.223.299.143)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		510.361.092	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(75.220.439.740)	(12.450.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		47.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.813.643	1.963.691
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(34.543.924.779)	(13.671.335.452)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.776.098.900	-
33	Tiền thu từ đi vay		38.538.951.315	4.423.685.981
34	Tiền trả nợ gốc vay		(24.593.357.903)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20.1	-	(999.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		16.721.692.312	3.424.685.981
50	Tăng tiền thuần trong năm/kỳ		17.958.407.224	836.087.367
60	Tiền đầu năm/kỳ		836.087.367	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.902.754)	-
70	Tiền cuối năm/kỳ	4	18.779.591.837	836.087.367

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 330 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 324 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 266, Đường Nguyễn Tri Phương, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")	55%	55%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch, đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào ngày 6 tháng 11 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.3 *Phát hành lại báo cáo tài chính riêng*

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thay thế cho báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Việc phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Công ty thực hiện để sửa chữa các sai sót còn tồn tại trong báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Theo đó, ngày 6 tháng 11 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 này để thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phát hành trước đây vào ngày 22 tháng 3 năm 2017.

2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

HH ★/HH
N
V
CI
/S/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)*

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Công ty kiểm soát BCC, Công ty sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán riêng.

Nếu Công ty không kiểm soát BCC, Công ty ghi nhận phần lợi nhuận mà Công ty được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.143.215.064	273.859.384
Tiền gửi ngân hàng	17.636.376.773	562.227.983
TỔNG CỘNG	<u>18.779.591.837</u>	<u>836.087.367</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	520.824.540	-
Công ty TNHH Sejoong Việt Nam	376.068.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.085.196.197	844.091.656
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	924.815.532	278.328.721
TỔNG CỘNG	<u>2.906.904.269</u>	<u>1.122.420.377</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	369.408.218	401.041.515
Phải thu ngắn hạn khác	1.671.174.452	1.202.033.319
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.132.613.636	7.135.809.262
TỔNG CỘNG	<u>5.173.196.306</u>	<u>8.738.884.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	150.528.415	-	67.956.340	-
Hàng hóa	7.370.595.914	-	4.543.775.901	-
TỔNG CỘNG	7.521.124.329	-	4.611.732.241	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	128.151.617	518.848.810
Chi phí du lịch cho nhân viên	8.833.866	619.199.192
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản cố định	340.477.415	70.030.655
Khác	463.587.600	769.838.225
TỔNG CỘNG	941.050.498	1.977.916.882
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.641.027.129	3.865.574.089
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản cố định	985.026.844	613.564.729
Khác	334.582.793	588.936.251
TỔNG CỘNG	3.960.636.766	5.068.075.069

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 28) (*)	75.220.439.740	-
Phải thu dài hạn khác	150.000.000	-
TỔNG CỘNG	75.370.439.740	-

(*) Đây là khoản góp vốn vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (“Taseco Thăng Long”) cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp vốn với số tiền là 75,2 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	5.111.035.949	1.649.919.826	8.173.727.356	14.934.883.131
- Mua trong năm	-	177.572.500	397.490.909	575.063.409
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.189.925.386	7.189.925.386
- Thanh lý, nhượng bán	(297.694.293)	-	(998.424.455)	(1.296.118.748)
Số cuối năm	4.813.341.656	1.827.492.326	14.762.719.196	21.403.553.178
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	304.500.722	109.109.435	-	413.610.157
- Khấu hao trong năm	1.161.143.477	495.305.752	2.583.020.589	4.239.469.818
- Thanh lý, nhượng bán	(58.371.430)	-	(205.943.471)	(264.314.901)
Số cuối năm	1.407.272.769	604.415.187	2.377.077.118	4.388.765.074
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.806.535.227	1.540.810.391	8.173.727.356	14.521.072.974
Số cuối năm	3.406.068.887	1.223.077.139	12.385.642.078	17.014.788.104
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	-	-	5.915.708.091	5.915.708.091

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	60.000.000	67.592.000	127.592.000
Số cuối năm	60.000.000	67.592.000	127.592.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.666.667	-	1.666.667
- Hao mòn trong năm	20.000.004	16.898.004	36.898.008
Số cuối năm	21.666.671	16.898.004	38.564.675
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	58.333.333	67.592.000	125.925.333
Số cuối năm	38.333.329	50.693.996	89.027.325

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con					
Taseco Đà Nẵng	1 998.000	25.810.557.011	-	-	-
Taseco Sài Gòn	550.000	5.500.000.000	-	-	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	138.360.732.890	-	-	-
TỔNG CỘNG		169.671.289.901			

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng. Khoản đầu tư này có giá trị là 25,81 tỷ VND, tương đương với 1.998.000 cổ phần của Taseco Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Đà Nẵng là 99,9% và Taseco Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận một khoản phải trả cho Taseco Thăng Long tương ứng với phần lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm góp vốn với số tiền là 5,8 tỷ VND.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng các khoản đầu tư vào các công ty sau:

- ▶ Taseco Sài Gòn: Khoản đầu tư này có giá trị là 5,5 tỷ VND, tương đương với 550.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Sài Gòn là 55% và Taseco Sài Gòn trở thành công ty con của Công ty; và
- ▶ Taseco Oceanview Đà Nẵng: Khoản đầu tư này có giá trị là 138,36 tỷ VND, tương đương với 100% vốn chủ sở hữu của Taseco Oceanview Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Oceanview Đà Nẵng là 100% và Taseco Oceanview Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận một khoản phải trả cho Taseco Thăng Long tương ứng với phần lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm góp vốn với số tiền là 33,4 tỷ VND.

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Taseco Đà Nẵng	99,9%	-
Taseco Sài Gòn	55%	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thông Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HK VN-CTCP	1.236.801.953	1.236.801.953	-	-
Phải trả đối tượng khác	6.242.843.359	6.242.843.359	7.377.966.307	7.377.966.307
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	300.000.000	300.000.000	1.078.910.363	1.078.910.363
TỔNG CỘNG	8.525.467.097	8.525.467.097	12.723.403.747	12.723.403.747

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.170.535.447	14.985.277.913	(14.658.207.530)	1.497.605.830
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	239.952.168	(185.938.531)	54.013.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp	310.333.395	3.776.932.993	(1.966.000.000)	2.121.266.388
Thuế thu nhập cá nhân	28.568.000	121.077.947	(118.471.947)	31.174.000
Các loại thuế khác	-	15.000.000	(9.000.000)	6.000.000
TỔNG CỘNG	1.509.436.842	19.138.241.021	(16.937.618.008)	3.710.059.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí ăn ca	178.230.000	206.229.000
Chi phí tiệc cuối năm	144.324.600	-
Chi phí công tác	100.000.000	-
Chi phí khác	135.901.741	60.111.007
TỔNG CỘNG	<u>558.456.341</u>	<u>266.340.007</u>

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ quảng cáo tại sân bay và các dịch vụ hàng không khác	1.176.224.045	791.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.176.224.045</u>	<u>791.000.000</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhận đặt cọc từ bên khác	204.000.000	3.000.000
Nhận đặt cọc từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	168.000.000
Phải trả về nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con của bên liên quan (*) (Thuyết minh số 28)	39.191.289.901	-
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư (**)	23.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.149.189.009	453.186.436
TỔNG CỘNG	<u>63.544.478.910</u>	<u>624.186.436</u>

(*) Đây là các khoản phải trả Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty liên quan đến các giao dịch góp vốn của Taseco Thăng Long vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 với số phải trả lần lượt là 5,8 tỷ và 33,4 tỷ VND.

(**) Đây là khoản nhận góp vốn liên quan đến hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty với Taseco Đà Nẵng như được trình bày ở Thuyết minh số 18

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB và Phụ lục Hợp đồng số 01/2016/PL-HTDT/TASECO.ĐN-TASECO.NB nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hồn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Taseco Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 47 tỷ VNĐ trong đó 23 tỷ VNĐ sẽ phải trả trong năm sau và được ghi nhận là phải trả ngắn hạn như trình bày trong Thuyết minh số 17

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cơ cấu năm tài chính kết thúc cùng ngày

19 VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	4.423.685.981	4.423.685.981	31.658.951.315	(22.549.957.903)	13.532.679.393	13.532.679.393		
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.675.800.000	(323.400.000)	1.352.400.000	1.352.400.000		
Vay đối tượng khác	-	-	1.720.000.000	(1.720.000.000)	-	-		
TỔNG CỘNG	4.423.685.981	4.423.685.981	35.054.751.315	(24.593.357.903)	14.885.079.393	14.885.079.393		
Vay dài hạn								
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	5.160.000.000	(1.675.800.000)	3.484.200.000	3.484.200.000		
TỔNG CỘNG	-	-	5.160.000.000	(1.675.800.000)	3.484.200.000	3.484.200.000		

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	13.532.679.393	Từ 31 tháng 1 năm 2017 đến 20 tháng 6 năm 2017	Được xác định tại thời điểm giải ngân. Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,5%	Cổ phiếu Taseco Thăng Long thuộc sở hữu của một số cổ đông của Taseco Thăng Long có giá trị 135,75 tỷ VND
TỔNG CỘNG	13.532.679.393			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)					
19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn	<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/ năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
		<i>VND</i>			
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.448.600.000	Từ 31 tháng 5 năm 2016 đến 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 7,5%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay gồm 2 xe ô tô con 7 chỗ và 1 xe ô tô con 5 chỗ với tổng nguyên giá là 3,5 tỷ VND.
	<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>554.400.000</i>			
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.388.000.000	Từ 16 tháng 12 năm 2016 đến 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,4%	Toàn bộ 3 xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,98 tỷ VND.
	<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>798.000.000</i>			
	TỔNG CỘNG	<u>4.836.600.000</u>			
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vay đến hạn trả</i>	<i>1.352.400.000</i>			
	<i>Vay dài hạn</i>	<i>3.484.200.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng vốn	27.126.277.100	-	27.126.277.100
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.098.944.279	1.098.944.279
Cổ tức công bố (*)	-	(999.000.000)	(999.000.000)
Số cuối kỳ	<u>27.126.277.100</u>	<u>99.944.279</u>	<u>27.226.221.379</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Số đầu năm	27.126.277.100	99.944.279	27.226.221.379
Tăng vốn trong năm (**)	133.353.722.900	-	133.353.722.900
Lợi nhuận thuần trong năm	-	14.569.590.744	14.569.590.744
Giảm khác	-	(1.000.000)	(1.000.000)
Số cuối năm	<u>160.480.000.000</u>	<u>14.668.535.023</u>	<u>175.148.535.023</u>

(*) Theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ-TASECO.NB ngày 24 tháng 12 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 1 tỷ VND. Cổ tức với số tiền là 999 triệu VND đã được thanh toán trong năm 2015 cho các cổ đông.

(**) Trong năm, Công ty đã tăng vốn từ 30 tỷ VND lên 160,48 tỷ VND. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư 1 hành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 12 năm 2016.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Taseco Thăng Long	160.450.000.000	160.450.000.000	-	27.126.277.100	27.126.277.100	-
Bà Trần Thị Loan	15.000.000	15.000.000	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	15.000.000	15.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>	<u>27.126.277.100</u>	<u>27.126.277.100</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính</i>	
	<i>từ ngày 28 tháng 9 năm</i>	
	<i>2015 đến ngày 31</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm/kỳ	27.126.277.100	-
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	133.353.722.900	27.126.277.100
Trong đó:		
<i>Bằng tiền</i>	2.776.098.900	-
<i>Bằng tài sản cố định</i>	-	14.864.714.943
<i>Bằng chi phí</i>	97.624.000	8.248.834.694
<i>Bằng hàng tồn kho</i>	-	4.012.727.463
<i>Bằng các khoản đầu tư vào công ty con (*)</i>	130.480.000.000	-
Số cuối năm/kỳ	<u>160.480.000.000</u>	<u>27.126.277.100</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(999.000.000)

(*) Trong năm, Công ty đã nhận góp vốn với số tiền là 130.480.000.000 VND từ Taseco Thăng Long bằng các khoản đầu tư vào công ty con với tổng giá trị là 169.671.289.901 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty sẽ phải trả lại cho Taseco Thăng Long phần chênh lệch giữa giá trị đầu tư vào công ty con và giá trị góp vốn với số tiền là 39.191.289.901 VND như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

20.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	16.048.000	160.480.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>2015</i>
Tổng doanh thu	172.942.424.394	38.661.266.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	95.959.339.533	24.364.770.894
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	76.983.084.861	14.296.495.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	172.942.424.394	38.661.266.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	95.959.339.533	24.364.770.894
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	76.983.084.861	14.296.495.620
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	167.916.301.414	37.375.679.224
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	5.026.122.980	1.285.587.290

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>2015</i>
Lãi cho vay	2.018.761.313	-
Lãi tiền gửi	8.813.643	1.963.691
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.587.338	45.690.864
TỔNG CỘNG	2.031.162.294	47.654.555

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>2015</i>
Giá vốn hàng hóa thương mại	47.522.227.800	12.638.425.267
Giá vốn các dịch vụ khác	33.450.348.864	7.144.701.046
TỔNG CỘNG	80.972.576.664	19.783.126.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	614.012	72.679.436
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.902.754	-
Chi phí lãi vay	948.803.896	13.870.490
TỔNG CỘNG	964.320.662	86.549.926

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	21.300.193.522	5.200.644.675
Chi phí thuê kho, mặt bằng	16.354.527.720	3.553.344.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.955.295.884	3.123.632.143
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.625.619.266	1.468.574.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.484.746.791	386.342.609
Chi phí khác bằng tiền	388.078.187	43.174.889
TỔNG CỘNG	56.108.461.370	13.775.713.129
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	10.207.841.621	2.385.626.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.864.847.535	848.489.635
Chi phí tự vấn	3.154.545.454	-
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.226.866.666	294.400.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.697.815	141.592.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	450.607.200	2.850.379
Chi phí quản lý khác	306.312.506	17.482.860
TỔNG CỘNG	20.744.718.797	3.690.441.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Thu nhập khác		
Hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	1.440.000.000	-
Thu nhập từ khuyến mại slm chủ	378.686.935	123.936.292
Khác	382.319.778	12.619.924
	2.199.006.713	136.556.216
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	(100.368.465)
Chi phí khác	(35.992.171)	-
	(35.992.171)	(100.368.465)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	2.163.014.542	36.187.751

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.104.817.883	19.594.403.423
Chi phí nhân công	40.194.097.170	9.356.035.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.556.083.259	7.819.865.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.278.387.820	418.318.293
Chi phí khác	694.390.693	60.657.749
TỔNG CỘNG	157.825.756.831	37.249.281.220

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.776.932.993	310.333.395
TỔNG CỘNG	3.776.932.993	310.333.395

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.346.523.737	1.409.277.674
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	3.669.304.747	310.041.088
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	107.628.246	292.307
Chi phí thuế TNDN	3.776.932.993	310.333.395

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>2015</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa Chi phí tiếp khách	8.920.455 20.324.702 47.440.127	181.531.768 - -
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Chuyển tiền hợp tác đầu tư Chi phí vận chuyển Thanh lý tài sản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa Chi phí dịch vụ vận chuyển	47.000.000.000 11.900.000 735.421.271 136.413.634 672.500 14.310.909	- 890.909 - 62.119.545 58.634.400 -
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	635.654.925	6.300.000
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ Mua tài sản	44.629.545 -	- 901.985.021
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn Góp vốn hợp tác đầu tư Cho vay Thu hồi cho vay Phải trả về nhận góp vốn Lãi vay Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Cổ tức chi trả Đối trừ chi phí Thu hộ doanh số bán hàng Nhận đặt cọc Doanh thu tiền nhượng quyền kinh doanh quảng cáo Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ Khác	133.323.722.900 75.220.439.740 49.335.809.263 49.335.809.263 39.191.289.901 2.018.761.313 3.000.000.000 1.440.000.000 3.859.056.236 - - - - - 10.361.093 41.550.000	27.126.277.100 - 12.450.000.000 - - - - - - - 999.000.000 6.403.948.238 12.797.002.000 168.000.000 774.131.249 - 574.755.500
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.981.818	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.780.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Bình	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.315.003	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 5)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	107.607.134	199.684.945
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Thu tiền bán thanh lý tài sản	812.963.398	-
		Doanh thu bán hàng	-	71.713.776
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	4.245.000	6.930.000
			924.815.532	278.328.721
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cho vay tín chấp ngắn hạn không lãi	-	12.450.000.000
			-	12.450.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 6)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Thanh toán hộ	220.063.636	7.135.809.262
Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.912.550.000	-
			3.132.613.636	7.135.809.262
<i>Phải thu dài hạn khác</i> (Thuyết minh số 9)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Chuyển tiền góp vốn cho hợp đồng hợp tác đầu tư	75.220.439.740	-
			75.220.439.740	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	21.249.000
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và phí dịch vụ	-	65.477.840
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ	300.000.000	992.183.523
			300.000.000	1.078.910.363
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 17)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Phải trả nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	39.191.289.901	-
		Nhận đặt cọc	-	168.000.000
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	23.000.000.000	-
			62.191.289.901	168.000.000
<i>Phải trả dài hạn khác</i> (Thuyết minh số 18)				
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	24.000.000.000	-
			24.000.000.000	-

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.253.560.000	307.500.000
Thu nhập khác	112.350.000	21.980.000
TỔNG CỘNG	1.365.910.000	329.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	12.991.996.800	12.499.007.040
Từ 1 – 5 năm	21.335.193.600	34.327.190.400
TỔNG CỘNG	34.327.190.400	46.826.197.440

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn với giá trị chuyển nhượng là 1.000.000.000 VND từ cổ đông của Taseco Sài Gòn và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65%.

Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.498.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco) với giá chuyển nhượng là 444.427.614 VND từ Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco là 99,9% và Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco trở thành công ty con của Công ty.


Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("VinaCS") với giá chuyển nhượng là 60 tỷ VND từ Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS là 40% và VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo Biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân bổ không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017